

Số: *542*/CNTH5
V/v hướng dẫn gửi thông tin thu ngân sách
nhà nước kèm theo lệnh thanh toán điện tử
liên ngân hàng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2014

Kính gửi: Các thành viên Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng.

Để hỗ trợ việc gửi thông tin về thu ngân sách nhà nước (NSNN) kèm theo lệnh thanh toán trên hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTLNH) phù hợp với đặc thù của công tác quản lý NSNN của Kho bạc Nhà nước (KBNN), Cục Công nghệ tin học (CNTH) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hướng dẫn triển khai phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0 như sau:

1. Mục đích

Phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0 được phát hành, triển khai cho phép các thành viên hệ thống TTLNH thực hiện gửi các thông tin thu NSNN kèm theo lệnh thanh toán trên hệ thống TTLNH (thông tin chi tiết xem tại Phụ lục – Mục 2).

2. Phạm vi áp dụng

- Phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0 được sử dụng song song với phiên bản CITAD 4.0.0.2.5.1

- Phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0 được sử dụng cho các thành viên hệ thống TTLNH (trừ các thành viên là đơn vị NHNN) có hoạt động gửi, nhận lệnh thanh toán phục vụ thu NSNN của KBNN. Các thành viên hệ thống TTLNH không hoặc chưa có hoạt động gửi, nhận lệnh thanh toán phục vụ thu NSNN của KBNN vẫn có thể sử dụng phiên bản CITAD 4.0.0.2.5.1 hoặc phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0 để thực hiện các giao dịch thanh toán liên ngân hàng.

- Các dịch vụ khác như tra soát, trả lời tra soát, yêu cầu hoàn chuyển, trả lời yêu cầu hoàn chuyển và lệnh thanh toán không có thông tin thu NSNN... vẫn được lập và trao đổi theo các hướng dẫn hiện hành.

3. Các sửa đổi, cập nhật của phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0

- *Đối với phần mềm:*

+ Màn hình nhập lệnh thanh toán: cho phép chọn loại Giao dịch có thông tin thu NSNN, khi đó màn hình nhập lệnh thanh toán sẽ hiển thị khu vực để nhập thông tin thu NSNN (Thông tin chi tiết xem tại Phụ lục – Mục 3).

+ Màn hình nhận lệnh thanh toán: hiển thị các thông tin thu NSNN gửi kèm lệnh thanh toán (nếu có).

+ Bổ sung in thông tin thu NSNN đính kèm lệnh thanh toán.

+ Bổ sung tin điện chứa thông tin thu NSNN gửi kèm cùng lệnh thanh toán.

+ Bổ sung các danh mục liên quan đến thông tin thu NSNN như: Cơ quan quản lý thu, chương, nội dung kinh tế, loại hình xuất nhập khẩu (Thông tin chi tiết xem tại Phụ lục – Mục 5). Các danh mục này do KBNN cập nhật thông qua đầu mối quản lý hệ thống TTLNH là Cục CNTH.

- *Đối với trao đổi dữ liệu qua giao diện (gateway) giữa hệ thống Corebank của thành viên và phần mềm CITAD:* Định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.0 được bổ sung trường CONTENT_EX để chứa thông tin thu NSNN theo dạng XML (sau đây gọi là chuẩn trao đổi dữ liệu IBPS2.1).

4. Phương án triển khai

Các thành viên hệ thống TTLNH có hoạt động gửi, nhận lệnh thanh toán phục vụ thu NSNN có thể lựa chọn một trong hai phương án triển khai sau:

4.1 Đối với các thành viên thực hiện trao đổi dữ liệu tự động giữa hệ thống Corebank và phần mềm CITAD

Ngoài việc cập nhật lên phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0, thành viên cần chỉnh sửa phần mềm trao đổi dữ liệu qua gateway giữa hệ thống Corebank của thành viên và phần mềm CITAD theo chuẩn trao đổi dữ liệu IBPS 2.1 để có thể thực hiện trao đổi thông tin thu NSNN tự động (thông tin chi tiết xem tại Phụ lục – Mục 4). Trường hợp thành viên không sửa phần mềm trao đổi dữ liệu qua gateway theo chuẩn IBPS 2.1, phần mềm CITAD hoạt động như bình thường: chỉ có các thông tin của lệnh thanh toán được trao đổi tự động qua gateway; đối với các thông tin thu NSNN, người có vai trò Kế toán giao dịch phải nhập bổ sung trực tiếp trong phần mềm CITAD (theo hướng dẫn tại Mục 4.2).

4.2 Đối với các thành viên nhập bổ sung thông tin thu NSNN trực tiếp trong phần mềm CITAD

Các thành viên chỉ cần cập nhật lên phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0 (Thông tin chi tiết xem tại Phụ lục – Mục 3) để thực hiện nhập bổ sung thông tin thu NSNN trực tiếp trong phần mềm CITAD (người có vai trò Kế toán giao dịch).

5. Thời gian áp dụng

- *Cập nhật phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0*: thành viên có thể thực hiện cập nhật ngay sau khi phiên bản CITAD 4.0.0.3.0.0 được công bố trên Website của NHNN mà không ảnh hưởng đến các hoạt động giao dịch TTLNH.

- *Thời gian áp dụng gửi thông tin thu NSNN kèm lệnh thanh toán*: Thời gian áp dụng dự kiến là ngày 15/7/2014. Cục CNTH sẽ có thông báo thời gian chính thức áp dụng bằng văn bản gửi các thành viên.

Đề nghị các Ông/ Bà Tổng Giám đốc (Giám đốc) thông báo và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, xin liên hệ Cục Công nghệ tin học, điện thoại: 04.38345179 - Fax: 04.37733413 để cùng phối hợp xử lý./. *2*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTĐ Nguyễn Toàn Thắng (để báo cáo);
- Vụ TT, Sở GD (để phối hợp);
- Kho bạc Nhà nước (để phối hợp);
- Các thành viên hệ thống TTLNH (để nghị sao gửi các đơn vị thành viên trực thuộc);
- Chi Cục CNTH (để thực hiện);
- Lưu CNTH/CNTH5/CNTH6.

Đính kèm:

- Phụ lục Hướng dẫn lập lệnh thanh toán kèm theo thông tin thu Ngân sách nhà nước trên hệ thống TTLNH (tải về từ trang web www.sbv.gov.vn chuyên mục *Hoạt động thanh toán/Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng/Các văn bản liên quan*).



PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN LẬP LỆNH THANH TOÁN KÈM THEO THÔNG TIN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

(kèm theo Công văn số 542/CNTH5 ngày 21/5/2014)

1. Giới thiệu

Tài liệu này hướng dẫn lập lệnh thanh toán có kèm theo thông tin thu ngân sách nhà nước (thông tin thu NSNN) trực tiếp từ màn hình nhập liệu của phần mềm CITAD hoặc trao đổi dữ liệu qua giao diện (gateway) giữa hệ thống Corebank của thành viên và phần mềm CITAD. Các loại giao dịch khác như tra soát, trả lời tra soát, yêu cầu hoàn chuyển, trả lời yêu cầu hoàn chuyển và lệnh thanh toán không có thông tin thu ngân sách.... vẫn được lập và trao đổi theo các hướng dẫn hiện hành.

2. Quy định về định dạng thông tin thu NSNN

2.1 Các thông tin chung

STT	Loại thông tin	Thẻ trong XML	Kiểu DL	Định dạng lưu trữ/ Mặc định	Ràng buộc
1	Mã số thuế	MST	String(13)	Mặc định = 0000000017	Bắt buộc phải có
2	Mã cơ quan quản lý thu	CQT	String(7)		Danh mục Mã cơ quan quản lý thu theo quy định của Bộ Tài chính
3	Tên cơ quan quản lý thu	TCQ	String(200)		Bắt buộc phải có nếu mã cơ quan quản lý thu để trống
4	Loại thuế	LTH	String(2)	Giá trị từ 01 đến 07	Bắt buộc phải có, là một trong các giá trị sau: 01: thuế nội địa 02: thuế thu nhập cá nhân 03: thuế chức bạ 04: thuế hải quan 05: thu khác 06: thu tài chính 07: phạt vi phạm hành chính
5	Ngày nộp thuế	NNT	String(8)	yyyymmdd	Bắt buộc phải có Mặc định là ngày lập lệnh thanh toán. Ngày nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày lập lệnh thanh toán
6	Số khung	SKH	String(20)		Bắt buộc phải có nếu loại thuế là 03 – thuế chức bạ
7	Số máy	SMA	String(20)		Bắt buộc phải có nếu loại thuế là 03 – thuế

STT	Loại thông tin	Thẻ trong XML	Kiểu DL	Định dạng lưu trữ/ Mặc định	Ràng buộc
					chức bạ
8	Số tờ khai hải quan, số quyết định	STK	String(20)		Bắt buộc phải có nếu loại thuế là 04 – thuế hải quan
9	Ngày tờ khai hải quan	NTK	String(8)	yyyymmdd	Bắt buộc phải có nếu loại thuế là 04 – thuế hải quan
10	Loại hình xuất nhập khẩu	XNK	String(20)	Mặc định là 999	Bắt buộc phải có nếu loại thuế là 04 – thuế hải quan Danh mục Loại hình XNK theo quy định của Bộ Tài chính
11	Cơ quan ra quyết định xử phạt	CQP	String(100)		Bắt buộc phải có nếu loại thuế là 07 – phạt vi phạm hành chính
12	Tên khách hàng nhận	TKH	String(200)		Sử dụng trong trường hợp tên người nhận ở phần Thông tin người nhận của Lệnh thanh toán quá dài (>70 kí tự)

2.2 Các thông tin chi tiết

Ngoài các thông tin chung, lệnh thanh toán đính kèm thông tin thu NSNN phải có các dòng thông tin chi tiết, mỗi dòng bao gồm các thông tin sau:

STT	Loại thông tin	Thẻ trong XML	Kiểu DL	Định dạng lưu trữ/ Mặc định	Ràng buộc
1	Mã chương	MCH	Number(3)	Số nguyên	Bắt buộc phải có Danh mục Mã chương theo quy định của Bộ Tài chính
2	Mã nội dung kinh tế (tiểu mục)	NDK	Number(4)	Số nguyên	Bắt buộc phải có Danh mục Mã nội dung kinh tế theo quy định của Bộ Tài chính
3	Số tiền	STN	Number(20)	Số nguyên	Bắt buộc phải có Tổng số tiền của các dòng thông tin chi tiết phải bằng Số tiền chuyển của lệnh thanh toán
4	Nội dung khoản nộp ngân sách	NDG	String(300)		

- Trong một lệnh thanh toán có đính kèm thông tin thu NSNN, bắt buộc phải có tối thiểu 01 dòng thông tin chi tiết và chỉ có tối đa 05 dòng thông tin chi tiết. Tổng số tiền của các dòng thông tin chi tiết phải bằng số tiền chuyển của lệnh thanh toán.

3. Hướng dẫn lập lệnh thanh toán đính kèm thông tin thu NSNN trực tiếp từ màn hình nhập liệu của phần mềm CITAD

- Các TCTD khi lập lệnh thanh toán đính kèm thông tin thu NSNN cần đánh dấu chọn ô Check box “Giao dịch có thông tin NSNN”, khi đó màn hình nhập lệnh thanh toán sẽ hiển thị khu vực để nhập thông tin thu NSNN như sau:

Nhập dữ liệu lệnh chuyển tiền

☐ Giao dịch trên thị trường LNH ☒ **Giao dịch có thông tin NSNN**

Số bút toán: 00000021 * Loại giao dịch: HF - Lệnh chuyển có giá trị cao *

Ngân hàng gửi: 01903001 TEST_903 TEST_01903001 Ngày lệnh: 07/05/2014 11:37:02

Ngân hàng nhận: 01905001 * TEST_905 TEST_01905001 TELLER ID:

Số tiền chuyển: 400.000.000 * VND Số giao dịch: 10000001

Thời điểm gửi lệnh: Tình trạng giao dịch: **Nhập dữ liệu**

Thông tin người gửi

Tên: Vũ Văn Cường *

Địa chỉ: Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng - Tài chính HIPT

Số tài khoản: 123456789 * Mã KH:

Tại: 01903001 * TEST_903 TEST_01903001

Thông tin người nhận

Tên: Nguyễn Văn B *

Địa chỉ: Cục Công nghệ tin học ngân hàng

Số tài khoản: 987654321 * Mã KH:

Tại: 01905001 * TEST_905 TEST_01905001 Mã số thuế:

Nội dung: Test kiểm tra hệ thống *

Thông tin NSNN

Ngày nộp thuế: 20/03/2014 * Loại thuế: 03 - Thuế chức bạ Mã số thuế: 0000000017 *

Mã cơ quan thu: 1000001 Số khung: S123456789K123456789 Số máy: S123456789M123456789

Tên cơ quan thu: Chi cục thuế huyện Châu thành

Ngày tờ khai: Số tờ khai: HQ/QĐ Loại hình XNK:

Cơ quan phạt:

Tên KH nhận:

Mã NDKT	Mã chương	Số tiền	Nội dung	Xóa
0801	002	200.000.000		X
0802	003	100.000.000	Nội dung 3	X

Loại nghiệp vụ 1: 30 Chuyển có Loại nghiệp vụ 2: 100 * CTKT

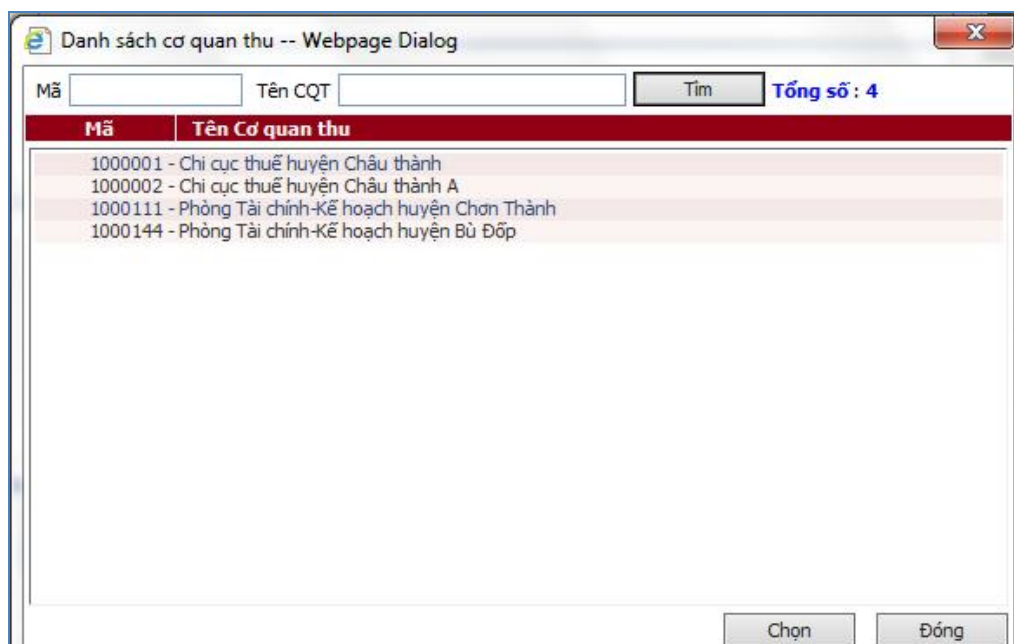
Mã loại tính phí: Tính phí mức 1 Ngân hàng chịu phí: 01903001 * TEST_903 TEST_01903001

Thêm mới Ghi Xóa Trước Tiếp theo Đóng

Tổng số 1/3

- Nhập các thông tin của lệnh thanh toán theo các quy định hiện hành.
- Nhập các thông tin thu NSNN theo quy định về định dạng thông tin thu NSNN tại Mục 2 Phụ lục này. Ngoài ra cần lưu ý:
 - + Các thông tin ngày tháng như Ngày nộp thuế, ngày tờ khai nhập liệu theo định dạng dd/mm/yyyy.

+ Các thông tin có bảng danh mục như Mã cơ quan quản lý thu, Loại hình xuất nhập khẩu, Mã chương, Mã nội dung kinh tế: nếu không nhớ mã có thể nhấn F4 hoặc nhập một số ký tự đại diện, nhấn Enter chương trình sẽ hiển thị bảng danh mục liên quan để tìm kiếm và lựa chọn trong danh sách.



+ Nhập các dòng thông tin chi tiết: Để thêm một dòng chi tiết mới: đưa con trỏ nhập liệu đến trường Nội dung, nhấn phím Enter; Để chuyển con trỏ nhập liệu sang trường khác thực hiện nhấn phím TAB; Để xóa một dòng chi tiết chọn biểu tượng Delete ở cuối dòng tương ứng cần xóa.

Mã NDKT	Mã chương	Số tiền	Nội dung	Xóa
0012	001	20.000.000.000	Nội dung 1	
0801	002	15.000.000	Nội dung 2	
0012	002	2.500.000.000	Nội dung 3	

4. Hướng dẫn trao đổi dữ liệu lệnh thanh toán kèm thông tin thu NSNN qua giao diện (Gateway) giữa hệ thống Corebank của thành viên và phần mềm CITAD

4.1 Yêu cầu chung

- Lệnh thanh toán đính kèm thông tin thu NSNN trao đổi qua Gateway phải thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Ngôn ngữ sử dụng trong trao đổi dữ liệu qua Gateway của chương trình CITAD là tiếng Việt có dấu theo chuẩn Unicode (TCVN6909:2001) và không bao gồm các ký tự đặc biệt ('#' và các ký tự điều khiển như: Enter; Shift, Tab...).

+ Hình thức trao đổi dữ liệu dưới dạng file text có cấu trúc hoặc bảng (table) cơ sở dữ liệu có tên file và table được quy định trong bảng dưới đây:

Loại dữ liệu	File	Table	Ghi chú
Lệnh thanh toán	GTWOVS%	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	Lệnh đi
	GTWIVS%	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	Lệnh đến

+ Định dạng các thông tin thu NSNN theo quy định tại Mục 2 Phụ lục này

4.2 Trao đổi dữ liệu qua file text

- Cấu trúc file text tuân thủ theo định dạng IBPS2.0 và bổ sung thêm trường CONTENT_EX (sau đây gọi là chuẩn trao đổi dữ liệu IPBS2.1), được mô tả cụ thể trong bảng dưới đây:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ dài	DL bắt buộc	Khóa	Chú thích và ràng buộc
1	REC_TYPE	A	2	X		Loại bản ghi ='DD'
2	TRX_TYPE	AN	6	X		Loại giao dịch
3	SD_TIME	AN	14	O		Thời điểm gửi lệnh
4	SERIAL_NO	N	8	O		Số hiệu giao dịch
5	RESPONSE_CODE	AN	4	O		Mã phản hồi tin điện
6	O_CI_CODE	AN	12	X	PK	Mã ngân hàng gửi lệnh
7	R_CI_CODE	AN	12	X		Mã ngân hàng nhận lệnh (Các thành viên là Ngân hàng Nhà nước sẽ không nhận các lệnh thanh toán kèm thông tin thu NSNN. Do đó các lệnh thanh toán có giá trị trường REFERENCE là IBPSVST000 thì sẽ không thể nhận giá trị R_CI_CODE có dạng **101**)
8	O_INDIRECT_CODE	AN	12	X		Mã ngân hàng gửi gián tiếp
9	R_INDIRECT_CODE	AN	12	X		Mã ngân hàng nhận gián tiếp (Các thành viên là Ngân hàng Nhà nước sẽ không nhận các lệnh thanh toán kèm thông tin thu NSNN. Do đó các lệnh thanh toán có giá trị trường REFERENCE là IBPSVST000 thì sẽ không thể nhận giá trị R_INDIRECT_CODE có dạng **101**)
10	FEE_CI_CODE	AN	12	X		Mã ngân hàng chịu phí (O_CI_CODE)
11	TRX_DATE	AN	8	X	PK	Ngày làm việc của hệ thống
12	CURRENCY	AN	3	X		Mã tiền tệ
13	AMOUNT	N	22	X		Số tiền
14	SD_NAME	AN	70	X		Tên người gửi
15	SD_ADDR	AN	100	O		Địa chỉ người gửi
16	SD_ACCNT	AN	25	X		Tài khoản người gửi
17	RV_NAME	AN	70	X		Tên người nhận
18	RV_ADDR	AN	100	O		Địa chỉ người nhận
19	RV_ACCNT	AN	25	X		Tài khoản người nhận
20	CONTENT	AN	210	X		Nội dung giao dịch

21	OPERT1	N	2	X		Mã loại nghiệp vụ 1
22	OPERT2	N	3	X		Mã loại nghiệp vụ 2
23	RELATION_NO	AN	40	X	PK	Số bút toán
24	SD_IDENTIFY	AN	25	O		Thông tin giấy tờ kèm theo của người gửi
25	RV_IDENTIFY	AN	25	O		Thông tin giấy tờ kèm theo của người nhận
26	AUTHORIZED	AN	1	O		Thông tin xác nhận chuyển nợ (0 :Không cần chờ chấp nhận, 1: Cần chờ chấp nhận)
27	FEE_FLAG	AN	1	O		Thông tin liên quan tới tính phí
28	REFERENCE	AN	100	O		Thông tin liên quan (REFERENCE nhận giá trị IBPSVST000 nếu lệnh thanh toán có đính kèm thông tin thu NSNN)
29	TAX_CODE	AN	25	O		Mã số thuế của người nhận
30	SD_CODE	AN	20	O		Mã của NH gửi
31	RV_CODE	AN	20	X		Mã của NH nhận
32	EX_E_SIGN	AN	400	O		Chữ ký giao dịch của Core Banking
33	APPR_ID	AN	16	O		ID của người ký duyệt
34	CREATE_TIME	AN	14	O		Thời điểm tạo
35	E_SIGN	AN	400	O		Chữ ký điện tử
36	MAC	AN	28	O		Mã kiểm tra dữ liệu
37	CONTENT_EX	AN	3000	X		Thông tin thu NSNN đính kèm nhập dưới dạng xml được hướng dẫn tại mục 4.4 (Bắt buộc nhập nếu trường REFERENCE có giá trị là IBPSVST000)
Tổng			4.852			

4.3 Trao đổi dữ liệu qua bảng (table) cơ sở dữ liệu

- Cấu trúc bảng TBLTRANSACTIONMSG_GTW tuân thủ theo định dạng IBPS2.0 và bổ sung thêm trường CONTENT_EX, được mô tả cụ thể trong bảng dưới đây:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu Oracle	Kiểu dữ liệu SQL Server	Độ dài	DL bắt buộc	Khóa	Chú thích và ràng buộc
1	CHECK_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	2	X		Mã trạng thái: 00: Chờ xử lý 01: Kiểm tra giao dịch lỗi 02: Giao dịch hợp lệ (đã chuyển sang CI_TAD). 03: Giao dịch đã gửi (thành công) 04: Giao dịch đã gửi (không thành công) 05: Giao dịch từ CI sang GW 06: Đã chuyển dữ liệu vào các bảng đối chiếu và bảng Export. 07: Lỗi không chuyển vào được các bảng đối chiếu và bảng Export.
2	CREATE_FILE_RESULT_FLAG	VARCHAR2	VARCHAR	1	O		Tình trạng tạo file kết quả/ file đến: 0: Chưa tạo file kết quả/ Chưa tạo file đến 1: Đã tạo file kết quả/ Đã tạo file đến
3	FILE_NAME_RESULT	VARCHAR2	VARCHAR	25	O		Tên file kết quả cho giao dịch đi

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu Oracle	Kiểu dữ liệu SQL Server	Độ dài	DL bắt buộc	Khóa	Chú thích và ràng buộc
4	TRX_TYPE	VARCHAR2	VARCHAR	6	X		Loại giao dịch
5	SD_TIME	VARCHAR2	VARCHAR	14	O		Thời điểm gửi tin điện
6	SERIAL_NO	VARCHAR2	VARCHAR	8	O		Số hiệu giao dịch
7	RESPONSE_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	4	O		Mã phản hồi tin điện (Xem chi tiết tại phụ lục 3)
8	O_CI_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	12	X	PK	Mã ngân hàng gửi lệnh
9	R_CI_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	12	X		Mã ngân hàng nhận lệnh (Các thành viên là Ngân hàng Nhà nước sẽ không nhận các lệnh thanh toán kèm thông tin thu NSNN. Do đó các lệnh thanh toán có giá trị trường REFERENCE là IBPSVST000 thì sẽ không thể nhận giá trị R_CI_CODE có dạng **101**)
10	O_INDIRECT_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	12	X		Mã ngân hàng gửi gián tiếp
11	R_INDIRECT_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	12	X		Mã ngân hàng nhận gián tiếp (Các thành viên là Ngân hàng Nhà nước sẽ không nhận các lệnh thanh toán kèm thông tin thu NSNN. Do đó các lệnh thanh toán có giá trị trường REFERENCE là IBPSVST000 thì sẽ không thể nhận giá trị R_INDIRECT_CODE có dạng **101**)
12	FEE_CI_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	12	O		Mã ngân hàng chịu phí
13	TRX_DATE	VARCHAR2	VARCHAR	8	X	PK	Ngày làm việc của hệ thống
14	CURRENCY	VARCHAR2	VARCHAR	3	X		Mã tiền tệ
15	AMOUNT	VARCHAR2	VARCHAR	22	X		Số tiền chuyển
16	SD_NAME	VARCHAR2	NVARCHAR	70	X		Tên người gửi
17	SD_ADDR	VARCHAR2	NVARCHAR	100	O		Địa chỉ người gửi
18	SD_ACCNT	VARCHAR2	NVARCHAR	25	X		Tài khoản người gửi
19	RV_NAME	VARCHAR2	NVARCHAR	70	X		Tên người nhận
20	RV_ADDR	VARCHAR2	NVARCHAR	100	O		Địa chỉ người nhận
21	RV_ACCNT	VARCHAR2	NVARCHAR	25	X		Tài khoản người nhận
22	CONTENT	VARCHAR2	NVARCHAR	210	X		Nội dung lệnh thanh toán
23	OPERT1	VARCHAR2	VARCHAR	2	X		Mã loại nghiệp vụ 1
24	OPERT2	VARCHAR2	VARCHAR	3	X		Mã loại nghiệp vụ 2
25	FILE_NAME	VARCHAR2	VARCHAR	25	O		Tên File đi/đến
26	RELATION_NO	VARCHAR2	VARCHAR	40	X	PK	Số bút toán
27	SD_IDENTIFY	VARCHAR2	NVARCHAR	25	O		Thông tin giấy tờ kèm theo của người gửi
28	RV_IDENTIFY	VARCHAR2	NVARCHAR	25	O		Thông tin giấy tờ kèm theo của người nhận
31	AUTHORIZED	VARCHAR2	VARCHAR	1	O		Thông tin xác nhận chuyển nợ (0: Không cần chờ chấp nhận, 1: Cần chờ chấp nhận)
32	FEE_FLAG	VARCHAR2	VARCHAR	1	O		Thông tin liên quan tới tính phí
35	REFERENCE	VARCHAR2	NVARCHAR	100	X		Thông tin liên quan (REFERENCE nhận giá trị IBPSVST000 nếu lệnh thanh toán có đính kèm thông tin thu NSNN)
36	TAX_CODE	VARCHAR2	VARCHAR	25	O		Mã số thuế của người nhận
39	SD_CODE	VARCHAR2	NVARCHAR	20	O		Mã của đơn vị gửi
40	RV_CODE	VARCHAR2	NVARCHAR	20	O		Mã của đơn vị nhận
41	EX_E_SIGN	VARCHAR2	NVARCHAR	400	O		Chữ ký giao tiếp với Core
42	MAC	VARCHAR2	NVARCHAR	28	O		Mã kiểm tra dữ liệu

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu Oracle	Kiểu dữ liệu SQL Server	Độ dài	DL bắt buộc	Khóa	Chú thích và ràng buộc
43	APPR_ID	VARCHAR2	NVARCHAR	16	O		ID của người ký duyệt
44	CREATE_TIME	VARCHAR2	VARCHAR	14	O		Thời điểm tạo giao dịch
45	E_SIGN	VARCHAR2	NVARCHAR	400	O		Chữ ký điện tử.
46	OPTIONCODE	VARCHAR2	NVARCHAR	30	O		Chưa sử dụng
47	TYPE_FLAG	VARCHAR2	VARCHAR	1	X	PK	Xác định loại dữ liệu 0: giao dịch tại CI (Default) 1: Giao dịch đối chiếu cho CI 2: Giao dịch đối chiếu cho CIHO
48	CONTENTFROMFILE	VARCHAR2	NVARCHAR	4000	O		Không được can thiệp
49	ERR_MSG	VARCHAR2	NVARCHAR	200	O		Không được can thiệp
50	LINEPOSITION	NUMBER	NUMBER	17	O		Vị trí dòng gd trong file
51	FILEPROCESSINGTIME	VARCHAR2	NVARCHAR	14	O		Thời gian xử lý file
52	CONTENT_EX	VARCHAR2	NVARCHAR	3000	O		Thông tin thu NSNN đính kèm nhập dưới dạng xml được hướng dẫn tại mục 4.4 (Bắt buộc nhập nếu trường REFERENCE có giá trị là IBPSVST000)

4.4 Cấu trúc trường CONTENT_EX

Định dạng các thông tin thu NSNN theo quy định tại Mục 2 Phụ lục này, được lưu trong trường CONTENT_EX theo dạng XML, cụ thể như sau:

```
<?xml version="1.0"?><VST><MST>0000000017</MST><CQT>Cơ quan thu</CQT>
<TCQ>Tên Cơ quan thu</TCQ> <LTH>Loại thuế</LTH><NNT>Ngày nộp
thuế</NNT><SKH>Số khung</SKH><SMA>Số máy</SMA> <STK>Số Tờ khai
HQ</STK><NTK>Ngày tờ khai HQ</NTK><XNK>Loại hình XNK</XNK> <CQP>Cơ quan
phạt</CQP><TKH>Tên khách hàng nhận có độ dài lớn hơn 70 ký tự</TKH>
<VSTD><MCH>Mã Chương 1</MCH><NDK>Mã NDKT1</NDK><STN>Số tiền</STN><NDG>Nội
dung chi tiết 1</NDG> </VSTD><VSTD><MCH>Mã Chương 2</MCH><NDK>Mã
NDKT2</NDK><STN>Số tiền2</STN> <NDG>Nội dung chi tiết
2</NDG></VSTD><VSTD><MCH>Mã Chương 3</MCH><NDK>Mã NDKT3</NDK><STN>Số
tiền3</STN><NDG>Nội dung chi tiết 3</NDG></VSTD><VSTD><MCH>Mã Chương
4</MCH><NDK>Mã NDKT4</NDK><STN>Số tiền4</STN><NDG>Nội dung chi tiết
4</NDG></VSTD><VSTD><MCH>Mã Chương 5</MCH><NDK>Mã NDKT5</NDK><STN>Số
tiền5</STN><NDG>Nội dung chi tiết 5</NDG></VSTD></VST>
```

Trong đó, thẻ XML của toàn bộ thông tin thu ngân sách là VST, thẻ XML của mỗi dòng thông tin chi tiết là VSTD.

Ví dụ: Lệnh thanh toán kèm thông tin thu NSNN có dữ liệu như sau:

- Số tiền chuyển: 600.000.000
- Mã số thuế: 0000000017
- Mã cơ quan quản lý thu: 1000001
- Tên cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế quận Hoàn Kiếm – Cục thuế thành phố Hà Nội
- Ngày nộp thuế: 20/3/2014
- Loại thuế: Thuế trước bạ

- Số khung: *S123456789K123456789*
- Số máy: *S123456789M123456789*

Các dòng thông tin chi tiết:

Mã chương	Mã NDNS (tiểu mục)	Số tiền	Nội dung các khoản nộp ngân sách
001	0012	100.000.000	Thuế giá trị gia tăng
002	0801	200.000.000	
003	0802	300.000.000	Thuế thu nhập cá nhân

Các thông tin thu NSNN trên được lưu dưới dạng XML như sau:

```
<?xml version="1.0"?> <VST> <MST>0000000017</MST> <CQT>1000001</CQT>
<TCQ>Chi cục thuế quận Hoàn Kiếm - Cục thuế thành phố Hà Nội</TCQ>
<LTH>03</LTH> <NNT>20140320</NNT> <SKH>S123456789K123456789</SKH>
<SMA>S123456789M123456789</SMA> <STK> </STK> <NTK> </NTK> <XNK> </XNK>
<CQP></CQP> <TKH></TKH> <VSTD> <MCH>001</MCH> <NDK>0012</NDK>
<STN>100000000</STN> <NDG>Thuế giá trị gia tăng</NDG> </VSTD> <VSTD>
<MCH>002</MCH> <NDK>0801</NDK> <STN>200000000</STN> <NDG> </NDG> </VSTD>
<VSTD> <MCH>003</MCH> <NDK>0802</NDK> <STN>300000000</STN> <NDG>Thuế thu
nhập cá nhân</NDG> </VSTD> </VST>
```

5. Các bảng danh mục liên quan đến thông tin thu NSNN

5.1 Quy trình cập nhật, đồng bộ các danh mục liên quan đến thông tin thu NSNN

- Kho bạc Nhà nước: Thông báo bằng văn bản cho Cục CNTH – Ngân hàng Nhà nước về các thay đổi trong danh mục liên quan trước thời điểm các thay đổi trong danh mục chính thức được áp dụng 05 ngày làm việc.

- Cục CNTH- Ngân hàng Nhà nước: Sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của KBNN, thực hiện cập nhật các danh mục liên quan tại trung tâm xử lý và tạo ra các file đồng bộ trước thời điểm các thay đổi trong danh mục chính thức được áp dụng 03 ngày làm việc để sẵn sàng cho các thành viên nhận về.

- Các thành viên TTLNH: Khi thành viên thực hiện kết nối với trung tâm xử lý, các file đồng bộ danh mục sẽ được tự động nhận về và tự động cập nhật vào từ điển tại thành viên.

5.2 Danh mục cơ quan quản lý thu

- Tên bảng: TBLVST_CQT

TT	Tên trường	Kiểu DL	Độ dài	Bắt buộc	Khóa	Chú thích và Ràng buộc
1	CQT_ID	N	8	X	PK	Khoá của bảng
2	MA_CQTHU	AN	7	X	FK	Mã CQ thu Có thể có nhiều mã trùng nhau nhưng tên CQ thu khác nhau

3	NAME_V	AN	200	X	FK	Tên CQ thu
4	NAME_E	AN	200	O		
5	USED	AN	1	X		U: Đang sử dụng D: Không sử dụng

5.3 Danh mục chương

- Tên bảng: TBLVST_MCH

TT	Tên trường	Kiểu DL	Độ dài	Bắt buộc	Khóa	Chú thích và Ràng buộc
1	MA_CHUONG	AN	3	X	PK	Mã chương
2	NAME_V	AN	200	X		Tên
3	NAME_E	AN	200	O		
4	MA_CAP	AN	10	X		Mã cấp NS
5	USED	AN	1	X		U: Đang sử dụng D: Không sử dụng

5.4 Danh mục Nội dung kinh tế

- Tên bảng: TBLVST_NDK

TT	Tên trường	Kiểu DL	Độ dài	Bắt buộc	Khóa	Chú thích và Ràng buộc
1	MA_NDKT	AN	4	X	PK	Mã Nội dung kinh tế
3	NAME_V	AN	200	X		Tên
4	NAME_E	AN	200	O		
2	MA_CHA	AN	10	X		
5	USED	AN	1	X		U: Đang sử dụng D: Không sử dụng

5.5 Danh mục Loại hình xuất nhập khẩu

- Tên bảng: TBLVST_XNK

TT	Tên trường	Kiểu DL	Độ dài	Bắt buộc	Khóa	Chú thích và Ràng buộc
1	MA_LH	AN	20	X	PK	Mã loại hình xuất nhập khẩu
3	NAME_V	AN	200	X		Tên
4	NAME_E	AN	200	O		
2	TEN_VT	AN	50	X		Tên viết tắt
5	USED	AN	1	X		U: Đang sử dụng D: Không sử dụng

6. Địa chỉ liên hệ

- Các vương mắc đối với các thông tin thu NSNN đính kèm lệnh thanh toán xin liên hệ: Phòng Thanh toán điện tử, Vụ Kế toán Nhà nước – KBNN TU, điện thoại 04.62764300 (bà Nguyễn Thị Cảnh Yến – chuyên viên Vụ Kế toán Nhà nước, số điện thoại di động : 0989209622 hoặc bà Lê Thị Lan Anh – chuyên viên Vụ Kế toán Nhà nước, số điện thoại di động: 0972919456).

- Các vương mắc kỹ thuật CNTT xin liên hệ: Phòng Kỹ thuật 1 - Cục Công nghệ tin học – Ngân hàng Nhà nước, ĐT: 04.38345179; hoặc Phòng Quản lý thông tin, ĐT: 04.37751079 /71 /72; hoặc Chi cục Công nghệ tin học, ĐT: 08.38223445 để cùng phối hợp xử lý.